TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 31/3/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**
2. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Ông **BÙI QUỐC HIỂN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 624/2022/TLST–DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30A/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ H V N**

Đại diện theo pháp luật là ông **Dương Quyết Th** – Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: số 169, Linh Đường, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà N

Đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Th là ông **Võ Văn C** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân h Chính sách xã hội h C B.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Cường chị **Trần Mộng Đ** – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C B. (có mặt)

Địa chỉ: số 2 Trương Nữ Vương, khu 1, thị trấn Cái B, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.

2. Bị đơn: **NGUYỄN NGHĨA THÀNH N**, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 2, khu 2, thị trấn Cái Bè, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- **HÀ THỊ THU X**, sinh năm 1975 (vắng mặt)
- **NGUYỄN THÀNH L**, sinh năm 2000 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: tổ 2, khu 2, thị trấn Cái Bè, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Mộng Đ trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh theo số hợp đồng 6600000708926772 ngày 10/11/2016 số tiền vay 27.500.000đ, mục đích vay là chi phí học tập cho sinh viên Nguyễn Thành L. Hiện tại món nợ vay của ông Nh đã quá hạn nhiều ngày, mặc dù Ngân hàng đã làm việc nhiều lần với ông Nh nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Bà X là vợ ông Nh cũng có văn bản ủy quyền ngày 17/12/2017 cho ông Nh có quyền xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội. Số tiền vay không có bảo đảm tài sản. Vào ngày 06/01/2023 nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nh, bà X phải liên đới trả số tiền còn nợ là 36.161.870 đồng, trong đó số tiền nợ vốn vay là 27.500.000đ cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 8.661.870 đồng, không yêu cầu anh L phải liên đới cùng với ông Nh, bà X trả số tiền trên.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên bà X liên đới trả số tiền còn nợ là 36.161.870 đồng, trong đó số tiền nợ vốn vay là 27.500.000đ cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 8.661.870 đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện nêu trên; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nh, bà X phải liên đới trả số tiền số tiền còn nợ là 36.161.870 đồng, trong đó số tiền nợ vốn vay là 27.500.000đ cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 8.661.870 đồng, không yêu cầu anh L phải liên đới cùng với ông Nh, bà X trả số tiền trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự. Từ đó, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút như trên.

Về nội dung:

[3] Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, đại diện ủy quyền của nguyên đơn khẳng định ông Nh có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 27.500.000 đồng, mục đích để chi phí học tập cho sinh viên Nguyễn Thành L thông qua hợp đồng tín dụng số 6600000708926772 ngày 10/11/2016 và xác định bà Xuân là vợ ông Nhân cũng có văn bản ủy quyền ngày 17/12/2017 cho ông Nh có quyền xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng. Số tiền vay không có bảo đảm tài sản vay theo bình xét của Ủy ban nhân dân thị trấn cho vay vốn theo chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo quy định của Chính phủ nên không thuộc đảm bảo tài sản khi vay vốn. Ngân hàng đã có các thông báo đòi nợ nhiều lần nhưng đương sự vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết.

Đồng thời, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Nh, bà X để đảm bảo quyền nêu ý kiến, cũng như hoà giải để các bên có điều kiện thương lượng, thoả thuận vấn đề tranh chấp nhưng ông, bà vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, ông bà cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện ông bà đã không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông Nh, bà X phải liên đới trả số số tiền còn nợ là 36.161.870 đồng, trong đó số tiền nợ vốn vay là 27.500.000đ cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 8.661.870 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án được ghi theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: Ngân hàng Chính s xã hội V N thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nh, bà X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội V N.

Buộc ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh và bà Hà Thị Thu X phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội V N số tiền nợ tổng cộng là 36.161.870 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000708926772 ngày 10/11/2016, trong đó số tiền nợ vay gốc 27.500.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 8.661.870 đồng (lãi suất tính đến ngày 31/3/2023).

Đồng thời ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh và bà Hà Thị Thu X phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 6600000708926772 ngày 10/11/2016 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 01/4/2023.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội V N là yêu cầu anh Nguyễn Thành L phải liên đới cùng với ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh và bà Hà Thị Thu X trả số tiền còn nợ là 36.161.870 đồng, trong đó số tiền nợ vốn vay là 27.500.000đ cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 8.661.870 đồng

Về án phí: Ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh, bà Hà Thị Thu X phải liên đới chịu 1.808.094 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách xã hội V N thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội V N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Nghĩa Thành Nh và bà Hà Thị Thu X, anh Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

ÂU THỊ THẢO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 3 năm 2023
Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Âu Thị Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông……
+ Ông……...

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 624/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM**

Đại diện theo pháp luật là ông **Dương Quyết Thắng** – Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: số 169, Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Thắng là ông **Võ Văn Cường** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cái Bè

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Cường chị **Trần Mộng Điệp** – Chức vụ: Kế toán trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cái Bè (có mặt)

Địa chỉ: số 2 Trương Nữ Vương, khu 1, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **NGUYỄN NGHĨA THÀNH NHÂN**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **HÀ THỊ THU XUÂN**, sinh năm 1975 (vắng mặt)
- **NGUYỄN THÀNH LẬP**, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Buộc anh Nguyễn Nghĩa Thành Nhân và chị Hà Thị Thu Xuân phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ tổng cộng là 36.161.870 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000708926772 ngày 10/11/2016, trong đó số tiền nợ vay gốc 27.500.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 8.661.870 đồng (lãi suất tính đến ngày 31/3/2023).

Đồng thời anh Nguyễn Nghĩa Thành Nhân và chị Hà Thị Thu Xuân phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 6600000708926772 ngày 10/11/2016 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 31/3/2023.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam là yêu cầu anh Nguyễn Thành Lập phải liên đới cùng với anh Nguyễn Nghĩa Thành Nhân và chị Hà Thị Thu Xuân trả số tiền nợ vay gốc 27.500.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 8.661.870 đồng (lãi suất tính đến ngày 31/3/2023).

Về án phí: Anh Nguyễn Nghĩa Thành Nhân, chị Hà Thị Thu Xuân phải liên đới chịu 1.808.094 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Nghĩa Thành Nhân và chị Hà Thị Thu Xuân được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi….giờ….phút, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**